

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/HS - ST

Ngày: 14/01/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Đức;

Ông Trần Đình Phần.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 61/2019/TLST - HS ngày 16 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST - HS ngày 03 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

01. Phạm Công H, sinh ngày 24/4/1977 tại xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 17, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Công D và bà Vũ Thị Thanh L (đều đã chết); có vợ là Trần Thị N, sinh năm 1979 (đã ly hôn); chưa có con; tiền án: Ngày 07/9/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của BLHS; 12 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 140 của BLHS; Tổng hợp hình phạt 27 tháng tù. Ngày 27/12/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xử phạt 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của BLHS. Ngày 20/12/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của BLHS. Ngày 13/5/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xử phạt 42 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của BLHS năm 2009. Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 10/4/2002, bị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của BLHS; bị bắt trong trường hợp khẩn cấp tạm giữ từ ngày 29/8/2019 đến ngày 06/9/2019 chuyển tạm giam; “có mặt”.

02. **Chu Minh N**, sinh ngày 08/7/1995 tại xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 10, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Chu Văn T và bà Lâm Thị T; có vợ là Lâm Nhật L, sinh năm 1995 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2015; tiền án: Ngày 09/9/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, TP Hà Nội xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của BLHS. Ngày 12/5/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xử phạt 33 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của BLHS. Tổng hợp hình phạt của bản án số 77/2014/HSST ngày 09/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, TP Hà Nội bị cáo phải chịu hình phạt chung của 02 bản án là 42 tháng tù. Tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/01/2014, bị Công an huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xử phạt hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” bằng hình thức phạt tiền 500.000đ; bị bắt trong trường hợp khẩn cấp tạm giữ từ ngày 29/8/2019 đến ngày 06/9/2019 chuyển tạm giam; “có mặt”.

- *Bị hại*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ 17, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định; “vẫn mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên tối ngày 28/8/2019, Phạm Công H, sinh năm 1977, trú tại: xóm 17, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định và Chu Minh N, sinh năm 1977, trú tại: xóm 10, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định bàn bạc rủ nhau sang địa bàn huyện X để trộm cắp tài sản. Khoảng 19 giờ, Năng điều khiển xe mô tô Yamaha, loại xe Sirius màu trắng, không có biển kiểm soát của mình chở Phạm Công H sang thị trấn X. Khi đi đến quán cắt tóc, gọi đầu Bảo Trang thuộc tổ 17, thị trấn X, lúc này khoảng 19 giờ 30, N và H phát hiện xe mô tô Yamaha, loại xe Exciter, BKS: 18B1 - 578.27 màu trắng đỏ của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; trú tại: Tổ 17, thị trấn X còn cắm chìa khóa ở ổ điện dựng trước cửa quán, quan sát xung quanh không có người trông coi. N điều khiển xe đến gần chiếc xe Exciter đứng lại nói với H “Anh đứng đây em vào lấy con xe này”. Hòa hiểu ý đứng cạnh giới còn N một mình đi bộ đến chiếc xe Exciter dắt lùi xe ra rồi vặn mở ổ khóa điện nổ máy điều khiển xe về hướng huyện H, H điều khiển xe Sirius đi theo. Sau đó, cả hai đi về nhà H. N đã tháo biển kiểm soát 18B1 - 578.27 ra khỏi xe Exciter rồi để xe, biển kiểm soát tại nhà Hòa.

Ngay sau khi nhận được đơn trình báo của người bị hại, Cơ quan CSĐT đã tiến hành điều tra, xác minh, thu giữ tại nơi ở của Phạm Công H 01 xe mô tô Yamaha, loại Exciter không lắp biển kiểm soát, 01 biển kiểm soát 18B1 -

578.27; 01 xe mô tô Yamaha, loại xe Sirius màu trắng, không gắn biển kiểm soát.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 20/KL - HĐĐG ngày 30/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện X đã kết luận:

01 xe mô tô Yamaha, loại Exciter, BKS: 18B1 - 578.27 màu trắng, mua mới năm 2015 có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 25.000.000đ.

Cáo trạng số 60/CT-VKS ngày 12/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố hành vi của Phạm Công H và Chu Minh N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo thừa nhận tính đúng đắn, khách quan của các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và khai nhận toàn bộ hành vi cũng như không có khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản đã nêu.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đánh giá về hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Công H; Chu Minh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Phạm Công H từ 42 - 45 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Chu Minh N từ 42 - 45 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị HĐXX: Tịch thu chiếc xe mô tô của bị cáo Năng để sung ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo không tự bào chữa và tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố

tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại cũng như kết quả định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 30, ngày 28/8/2019, tại khu vực tổ 17, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định, Phạm Công H và Chu Minh N đã lén lút chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn T, trú tại: Tổ 17, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định 01 xe mô tô Yamaha, loại Exciter; BKS: 18B1 - 578.27 màu trắng có giá trị 25.000.000đ. Vì vậy, hành vi của các bị cáo phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”; các bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích nên phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm g, khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đối với các bị cáo ra phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc mình làm; bản thân các bị cáo có hai tiền án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học để cải tạo sửa chữa lỗi lầm cho bản thân mà tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội, điều đó các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo theo quy định của pháp luật thì mới có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn theo quy định Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa bị cáo N khẳng định mình là người khởi xướng, rủ rê bị cáo H đi trộm cắp tài sản để có tiền tiêu sài cho cá nhân nên bị cáo N giữ vai trò đầu của vụ án và phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo H.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo bị truy tố xét xử theo tình tiết định khung hình phạt nên các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về việc làm của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt: Từ những phân tích trên, xét thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, có như vậy mới tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo như quan điểm của Đại diện viện kiểm sát đề nghị theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn T đã nhận lại chiếc xe mô tô và không yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự nên HĐXX không xem xét là phù hợp.

[9] Về vật chứng và tài sản thu giữ: Chiếc xe mô tô của bị cáo Chu Minh N dùng để chở bị cáo H đi trộm cắp tài sản là công cụ phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[10] Về án phí: Bị cáo Phạm Công H và bị cáo Chu Minh N bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điều g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Công H, Chu Minh N.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Công H, Chu Minh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Công H 42 (bốn hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/8/2019.

Xử phạt bị cáo Chu Minh N 45 (bốn mươi lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/8/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu chiếc xe mô tô Yamaha, loại xe Sirius màu trắng của Chu Minh N sung ngân sách Nhà nước.

(Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 12/CCTHA lập ngày 06/01/2020 giữa Công an huyện Xuân Trường và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường).

3. Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Phạm Công H và Chu Minh N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Phạm Công H, Chu Minh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh + Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Công an Huyện;
- UBND xã H;
- UBND xã H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Ngọc Long

